

**CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ DKC**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ DKC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DKC INVESTMENT AND  
CONSTRUCTION COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109831926

**3. Ngày thành lập:** 24/11/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn 1, Xã Sen Phương, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0983893558

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                              | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                         | 4330     |
| 2.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                    | 4390     |
| 3.  | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác<br>(Không bao gồm đầu giá)                                                                         | 4511     |
| 4.  | Bán mô tô, xe máy<br>(Không bao gồm đầu giá)                                                                                           | 4541     |
| 5.  | Đại lý, môi giới, đầu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa (Không bao gồm đầu giá)                                            | 4610     |
| 6.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động<br>vật sống<br>(trừ loại nhà nước cấm)                                   | 4620     |
| 7.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                     | 4632     |
| 8.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                   | 4641     |
| 9.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                     | 4649     |
| 10. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                     | 4652     |
| 11. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                        | 4659     |
| 12. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết: Bán buôn sắt, thép                                                                    | 4662     |
| 13. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                | 4663     |
| 14. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được<br>phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh | 8299     |
| 15. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất                                                               | 7410     |
| 16. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                 | 7710     |

|     |                                                                                                                                                                                                                |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 17. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                              | 4690        |
| 18. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết:<br>Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định<br>Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng<br>Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô | 4932        |
| 19. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                                                                                           | 4933        |
| 20. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                    | 5210        |
| 21. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                 | 7730        |
| 22. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                              | 4101(Chính) |
| 23. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                        | 4102        |
| 24. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                   | 4212        |
| 25. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                       | 4221        |
| 26. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                            | 4222        |
| 27. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                             | 4223        |
| 28. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                                       | 4291        |
| 29. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                     | 4299        |
| 30. | Phá dỡ<br>(loại trừ hoạt động nổ mìn)                                                                                                                                                                          | 4311        |
| 31. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(loại trừ hoạt động nổ mìn)                                                                                                                                                               | 4312        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.800.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Địa chỉ liên lạc:

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN MINH QUYẾT

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *01/12/1984*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *002084000032*

Ngày cấp: *10/07/2021*

Nơi cấp: *Cục cảnh sát QLHC về TTXH*

Địa chỉ thường trú: *Số 2 ngõ 277 đường Phú Nhi, Phường Lê Lợi, Thị Xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số 2 ngõ 277 đường Phú Nhi, Phường Lê Lợi, Thị Xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*